



lín xún
嶙峋

adjective · rugged, jagged (of mountains or rocks)

Example Sentences

lín xún de xuán yá ràng rén wàng ér shēng wèi
嶙峋的悬崖让人望而生畏。

The rugged cliff makes people feel awe at the sight.

huà jiā yòng bǐ mò miáo huì le lín xún de shān shí xiǎn de qì shì páng bó
画家用笔墨描绘了嶙峋的山石，显得气势磅礴。

The painter used brush and ink to depict the rugged rocks, giving a majestic feel.

Trace each character, then write the word on your own.

嶙	嶙	嶙	嶙	嶙	嶙	嶙	嶙	嶙	嶙	嶙
峋	峋	峋	峋	峋	峋	峋				
峋	峋	峋	峋	峋	峋	峋	峋	峋	峋	峋